

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: TNH23B2 Năm học: 23-24
Mã MH/MĐ: MH05229 Học kỳ: 02
Tên MH/MĐ: Tiếng anh chuyên ngành
Số TC: 5

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2358102064575	Nguyễn Hoàng Kỳ	Bảo	25/02/2008				9	7.0	6.0	5.0	7.0	3.0	5.0	5.6
2	2358102064576	Huỳnh Tín	Đạt	05/12/2008				5	5.0	5.0	5.0	5.0	0.0	2.5	3.5
3	2358102064577	Dương Thúy	Huyền	07/07/2008				8	3.0	0.0	2.0	0.0	0.0	0.0	0.8
4	2358102064578	Trần Thị Kim	Khánh	25/08/2008				9	4.0	6.0	5.0	6.0	2.5	8.5	7.4
5	2358102064579	Hứa Trí	Kiên	07/01/2007				5	5.0	5.0	5.0	5.0	4.3	2.5	4.6
6	2358102064580	Nguyễn Trí	Kiệt	13/02/2008				0	7.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.6
7	2358102064581	Võ Lê Mỹ	Kiều	26/07/2008				5	5.0	5.0	5.0	5.0	0.0	5.0	5.0
8	2358102064582	Lê Bảo	Kỳ	10/11/2007				5	5.0	4.0	5.0	6.0	1.0	3.3	4.0
9	2358102064584	Trần Minh	Nhật	05/10/2007				0	4.0	4.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.7
10	2358102064587	Trương Hồng	Thái	31/03/2008				5	5.0	5.0	5.0	5.0	3.3	5.0	5.0
11	2358102064588	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	02/01/2008				9	6.0	7.0	6.0	7.0	2.8	9.0	8.1
12	2358102064589	Võ Ngọc Mai	Trang	11/12/2008				7	6.0	6.0	5.0	6.0	3.3	6.5	6.3
13	2358102064590	Trần Ngọc	Trân	15/04/2008				9	6.0	8.0	6.0	8.0	6.5		6.8
14	2358102064591	Trần Thị Bảo	Trân	26/01/2008				0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
15	2358102064592	Nguyễn Minh	Trí	04/05/2008				0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
16	2358102064593	Nguyễn Hiếu	Trung	05/08/2008				10	9.0	9.0	8.0	9.0	8.5		8.7
17	2358102064594	Võ Thị Mỹ	Tú	02/04/2008				5	4.0	8.0	6.0	8.0	6.0		6.1
18	2358102064595	Nguyễn Ngọc Mỹ	Xuyên	10/02/2008				10	6.0	7.0	7.0	8.0	3.5	8.3	7.9

Châu Đốc, ngày 5 tháng 7 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trịnh Bửu Uyển